

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

“V/v ly hôn giữa chị N
và anh B”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Ông Phùng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt).

Tại Bản tự khai ngày 05/3/2021, bị đơn là anh Tạ Văn B thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày. Vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn là do anh ham chơi, ít quan tâm đến vợ con, mặt khác còn do chị N có quan hệ

ngoài tình. Chị N về nhà mẹ đẻ từ tháng 10/2020, nhiều lần anh đến đón chị N về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn về đoàn tụ, nhưng nếu chị N cương quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: cả hai anh chị đều trình bày, vợ chồng anh chị có 2 con chung là Tạ Minh Hiếu, sinh ngày 19/01/2013 và Tạ Minh Hùng, sinh ngày 24/9/2015, hiện cả 2 con đang ở với anh B và gia đình anh B. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con Tạ Minh Hùng; anh B yêu cầu nuôi cả hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con cả hai bên đều không đặt ra.

Về tài sản, công sức, công nợ: Cả hai anh chị đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng N giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh B và yêu cầu được nuôi nhỏ là Tạ Minh Hùng. Bị đơn là anh Tạ Văn B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hồng N, xử cho chị N được ly hôn anh Tạ Văn B.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng N nuôi con chung Tạ Minh Hùng, sinh ngày 24/9/2015; giao cho anh Tạ Văn B nuôi con chung Tạ Minh Hiếu, sinh ngày 19/01/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do các đương sự không yêu cầu.

- Án phí: chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù bị đơn là anh Tạ Văn B vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và anh Tạ Văn B kết hôn với nhau ngày 27/3/2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù đã có thời gian dài hòa thuận và đã có 2 con chung nhưng do anh B không tu chí làm ăn, chơi bời sa vào tệ nạn xã hội nên đến tháng 8/2020 thì vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 9/2020 chị N về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ tình cảm với anh B. Cho đến nay, thời gian anh chị sống ly thân nhau đã lâu nhưng

đôi bên không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Mặc dù anh B mong muốn trở lại đoàn tụ nhưng lại không đến phiên tòa, điều đó cho thấy anh B không thiết tha với nguyên vọng đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Tạ Minh Hiếu, sinh ngày 19/01/2013 và Tạ Minh Hùng, sinh ngày 24/9/2015, hiện đang ở với anh B và gia đình anh B. Mặc dù anh B yêu cầu nuôi cả hai con chung nhưng xét thấy việc tiếp tục để anh B nuôi cả hai con sẽ không đảm bảo về mọi mặt, mặt khác, chị N cũng có đủ điều kiện để nuôi con và chị N có yêu cầu được nuôi 1 con chung, vì vậy, cần giao cho anh chị mỗi người nuôi 1 con chung, cụ thể là giao cho chị N nuôi con chung Tạ Minh Hùng, sinh ngày 24/9/2015; giao cho anh B nuôi con chung Tạ Minh Hiếu, sinh ngày 19/01/2013 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

[3]. Về tài sản, công sức, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị N không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Hồng N được ly hôn anh Tạ Văn B.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng N nuôi con chung Tạ Minh Hùng, sinh ngày 24/9/2015; giao cho anh Tạ Văn B nuôi con chung Tạ Minh Hiếu sinh ngày 19/01/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Anh B và chị N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3/ Án phí: Chị Trần Thị Hồng N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí theo B lai số 0000473 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa (xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí).

Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- UBND xã Hợp Thịnh
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà